

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 181/2022/DS-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2022
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Liêm
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 415/2022/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 387/2022/QĐST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.
Địa chỉ: tổ S, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T trình bày:

Do quen biết nên ông có cho ông Lâm Văn S vay tiền, mục đích ông S vay mua xe ô tô chạy dịch vụ. Qua nhiều lần vay ông S không trả cho ông được khoản vốn và lãi nào. Ngày 13/01/2022 sau khi đối chiếu lại các khoản vay, ông S viết biên nhận cho ông với nội dung “*Biên nhận tiền. Tôi tên Lâm Văn S cư ngụ đường L phường M - L - AG, số CMND: 351329202, tiền có mượn: Nguyễn Văn T cư ngụ B, phường K với số tiền 750.000.000 Bảy trăm năm mươi triệu đồng; Mục đích mượn: mua xe, ngày 13 - 1 - 2022 Lâm Văn S. Tôi cam đoan số tiền trên là đúng sự thật nếu có gì tôi chịu hoàn toàn trước pháp luật*”. Sau khi viết biên nhận nợ trên, ông nhiều lần yêu cầu ông S trả nợ, ông S hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Do ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông yêu cầu ông Lâm Văn S trả nợ gốc 750.000.000 đồng theo biên nhận ngày 13/01/2022 thể hiện, không yêu cầu tính lãi.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính Biên nhận ngày 13/01/2022 do ông Lâm Văn S viết và ký tên, ghi họ tên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lâm Văn S mặc dù được tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay, ông S tiếp tục vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện ông Lâm Văn S về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông S cư ngụ tại đường L, phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Ông T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm Văn S.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Lâm Văn S trả 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông T là bản chính Biên nhận ngày 13/01/2022 do ông Lâm Văn S viết và ký tên, ghi họ tên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T Hội đồng xét xử xét thấy, theo Biên nhận ngày 13/01/2022 thể hiện nội dung ông S có mượn của ông T 750.000.000 đồng, biên

nhận do ông S viết, ký tên, ghi họ tên. Do ông S không trả vốn, lãi cho ông T nên ngày 13/01/2022 ông T và ông S tính toán lại các khoản nợ đã vay, theo đó, ông S viết biên nhận ngày 13/01/2022 xác định ông S còn nợ ông T 750.000.000 đồng.

Xét, giao dịch dân sự giữa ông T và ông S xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[3] Quá trình thực hiện thủ tục tố tụng, mặc dù được tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông S vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông T theo Quyết định của Tòa án về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông S trong vụ án này. Tại phiên tòa được mở xét xử lần thứ hai, ông S tiếp tục vắng mặt là ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, ông S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo các Quyết định, Thông báo của Tòa án như nêu trên để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ bản chính Biên nhận ngày 13/01/2022 do ông S viết, ký tên, ghi họ tên để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông Lâm Văn S trả ông Nguyễn Văn T 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Về lãi suất, ông T không yêu cầu ông S trả lãi đối với số tiền còn nợ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông T có lợi cho ông S là bị đơn và phù hợp quy định của luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông S có nghĩa vụ chịu 34.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông T 750.000.000đ.

Yêu cầu khởi kiện của ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với ông Lâm Văn S.

Buộc ông Lâm Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

Ông S phải chịu 34.000.000đ (Ba mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T được nhận lại 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001523, ngày 22/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa